

## **Vận dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam hiện nay**

**Phạm Thị Huệ**

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

**Tóm tắt:** Bài viết tổng quan các khái niệm, cách tiếp cận lý thuyết và phương pháp đã được sử dụng trong nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam. Bài viết cho thấy việc vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu về ly hôn ở Việt Nam còn rất hạn chế. Cho đến nay, rất ít các công trình nghiên cứu ở Việt Nam đề cập đến các khái niệm cũng như lý thuyết khi xem xét vấn đề ly hôn. Phương pháp được sử dụng nhiều nhất và hầu như là duy nhất trong đa số các bài viết về ly hôn ở Việt Nam là phương pháp phân tích tài liệu có sẵn. Một số nghiên cứu đã kết hợp phương pháp phân tích tài liệu sẵn có với phương pháp định tính và định lượng để tìm hiểu sâu hơn vấn đề ly hôn. Bài viết cũng chỉ ra những khoảng trống trong nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam và gợi ý hướng nghiên cứu tiếp theo.

**Từ khóa:** Hôn nhân; Gia đình; Ly hôn; Lý thuyết về ly hôn.

Ly hôn là chủ đề lớn trong nghiên cứu về hôn nhân và gia đình. Trên thế giới, ly hôn thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Tra cứu ISI WEB, một cơ sở dữ liệu thư mục các bài viết khoa học, tới năm 2009 có tới 1.980 bài viết đăng trên tạp chí khoa học xã hội có liên quan đến

chủ đề ly hôn (Amato, 2010: 650). Ở Việt Nam, tỷ lệ ly hôn có xu hướng ngày càng tăng. Năm 2001, tỷ lệ ly hôn thô<sup>(1)</sup> (CDR) ở Việt Nam là 0,69, đến năm 2005 tỷ lệ này là 0,80 và năm 2010 là 1,12, tăng gần gấp đôi trong vòng 10 năm (Trần Thị Minh Thi, 2013: 114). Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu, bài viết về ly hôn còn ít, chưa tương xứng với vấn đề đang diễn ra trong đời sống hôn nhân và gia đình ở Việt Nam. Tra cứu cơ sở dữ liệu bài tạp chí của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam tới năm 2010, chỉ có 22 bài viết liên quan đến ly hôn trong tổng số 550 bài viết về hôn nhân - gia đình được đăng trên các tạp chí khoa học xã hội. Ngoài ra, có 8 bài viết về chủ đề này đăng trong sách hay kỷ yếu hội thảo về hôn nhân - gia đình. Cơ sở dữ liệu của Thư viện Quốc gia cho thấy đến năm 2013, mới chỉ có 2 công trình nghiên cứu về ly hôn được xuất bản dưới dạng sách. Đó là “*Ly hôn: Nghiên cứu trường hợp Hà Nội*” do Nguyễn Thanh Tâm chủ biên (2002) và “*Những tổn thương tâm lý của thiếu niên do bố mẹ ly hôn*” do Văn Thị Kim Cúc chủ biên (2003).

Những bài viết, công trình nghiên cứu về ly hôn ở Việt Nam là rất ít như đã nêu ở trên, nhưng còn ít hơn nữa những bài viết, công trình đề cập đến các khái niệm, cách tiếp cận hay lý thuyết được áp dụng trong nghiên cứu ly hôn. Phần tiếp theo sẽ xem xét các khái niệm, cách tiếp cận lý thuyết và phương pháp đã được sử dụng trong những nghiên cứu về ly hôn đã được công bố ở Việt Nam.

### 1. Các khái niệm

Cho tới nay, chỉ có 3/32 công trình và bài viết được công bố về ly hôn có đề cập đến khái niệm. Hai khái niệm được đề cập đầu tiên trong nghiên cứu về ly hôn ở Việt Nam, đó là kết hôn và ly hôn. *Kết hôn*: là sự xác lập một quan hệ vợ chồng, một liên minh giữa nam và nữ dựa trên cơ sở tự nguyện. Trong khi đó, *ly hôn*: là chấm dứt mối quan hệ, sự liên minh (Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự, 2002: 24; Văn Thị Kim Cúc, 2003: 23).

Trong bài viết của mình, tác giả Mai Huy Bích (2005) đề cập đến khái niệm *ly hôn là một quá trình*. Đó là quá trình từ gắn bó đến tách biệt, từ chung sống đến ly hôn, rồi sống riêng. Để hiểu rõ hơn khái niệm này, tác giả đã giới thiệu công trình của nhà xã hội học Mỹ Diane Vaughan và cộng

sự (1986). Trước Vaughan, có nhiều nghiên cứu xem xét các nguyên nhân dẫn tới ly hôn, lý giải tại sao mối quan hệ lại kết thúc. Tuy nhiên, hầu như chưa có một nghiên cứu nào cho thấy quá trình tan rã hôn nhân diễn ra như thế nào. Vaughan là người đầu tiên coi ly hôn là một quá trình và xem xét tất cả các giai đoạn trong quá trình này. Bà đã khám phá ra mô hình chung của mọi mối quan hệ hôn nhân tan rã. Cho dù các cặp vợ chồng có những đặc điểm nhân khẩu, kinh tế và xã hội khác nhau; cho dù họ giàu hay nghèo, đồng tính hay không đồng tính, kết hôn hay sống chung, đã ở bên nhau 18 tháng hoặc 18 năm thì các quá trình tan rã hôn nhân của họ cơ bản là giống nhau. Một quá trình bắt đầu trong bí mật nhưng dần dần trở nên công khai, không chỉ liên quan đến cặp vợ chồng mà còn đến cả môi trường xã hội của họ. Nghiên cứu mang tính đột phá này cho thấy điều gì sẽ xảy ra khi quan hệ hôn nhân bắt đầu tan rã. Đây không đơn thuần là một công trình xã hội học mà còn là một hướng dẫn cho những ai muốn ngăn chặn hoặc vượt qua sự sụp đổ của quan hệ hôn nhân.

Hơn nữa, trong nghiên cứu của mình, Vaughan đã đưa ra khái niệm “*tách cặp*” để chỉ cách thức và quá trình mà các cặp chuyển từ quan hệ thân thiết sang sống riêng. Khái niệm này nắm bắt được và nói lên chính xác quá trình ly hôn, nhất là bản chất ngược lại với quá trình yêu nhau mà ta có thể gọi là quá trình “*tạo cặp*” hay “*hình thành cặp*” (Mai Huy Bích, 2005: 98, 100).

*Tóm lại*, các khái niệm được đề cập trong nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam là khái niệm kết hôn, ly hôn, quá trình ly hôn và khái niệm tách cặp.

## 2. Các tiếp cận lý thuyết

### *Lý thuyết trao đổi xã hội*

Lý thuyết trao đổi xã hội cho rằng mối quan hệ giữa các cá nhân là một sự trao đổi (Blau, 1964). Mục đích của việc trao đổi này là nhằm tối đa hóa lợi ích và giảm tối thiểu thiệt hại. Lý thuyết trao đổi xã hội sử dụng các khái niệm “*lợi*” - “*hại*” của tâm lý học và khái niệm “*nguồn lực*” của kinh tế học để xem xét việc trao đổi giữa các cá nhân. Theo lý thuyết này, người ta cảm thấy tích cực hay tiêu cực về mối quan hệ của họ dựa trên sự kết hợp của ba yếu tố: phân tích lợi - hại; so sánh; và các lựa chọn thay

thế. Như vậy, người ta cân nhắc cái “lợi” và cái “hại” trong các mối quan hệ xã hội. Khi cái “hại” lớn hơn cái “lợi”, người ta có thể chấm dứt hoặc từ bỏ mối quan hệ đó.

Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự (2002) đã sử dụng lý thuyết trao đổi xã hội để lý giải hiện tượng ly hôn. Theo tác giả, ly hôn có thể xảy ra khi giá trị trao đổi của cuộc hôn nhân mất cân bằng hay không còn. Điều này có vẻ như là trong quan hệ hôn nhân nếu cái “hại” lớn hơn cái “lợi” và cả hai người không có được những gì họ cần trong mối quan hệ này, họ phân tích lợi - hại, so sánh và quyết định một chọn lựa khác cho mối quan hệ hôn nhân không mang lại lợi ích gì cho mỗi bên. Như vậy, ly hôn có thể sẽ xảy ra.

Lý thuyết trao đổi xã hội bị phê phán là đã bỏ qua bối cảnh văn hóa và sự khác biệt giữa các nền văn hóa mà ở đó các chuẩn mực và quy tắc điều tiết trao đổi xã hội. Lý thuyết trao đổi xã hội dựa trên khái niệm “lợi - hại”, tuy nhiên, trong một số nền văn hóa người ta có thể không tìm kiếm cái “lợi” trong một mối quan hệ, nhất là trong quan hệ hôn nhân - gia đình. Hơn nữa, lý thuyết trao đổi xã hội làm cho con người trở thành những cá nhân chủ nghĩa, những người luôn tìm kiếm cái “lợi” mà bỏ qua sự vị tha và chủ nghĩa tập thể (Mai Huy Bích, 2011).

#### *Lý thuyết xung đột xã hội*

Lý thuyết xung đột xã hội cho rằng xã hội được hình thành bởi các nhóm xã hội khác nhau. Các nhóm xã hội khác nhau có lợi ích khác nhau và thường xung đột với nhau bởi vì nguồn lực như của cải và quyền lực là hữu hạn và được phân bổ không đồng đều. Trong quá trình cạnh tranh, một nhóm chiếm ưu thế và ở vị trí thống trị. Nhóm ưu thế này sau đó sử dụng quyền lực của mình để kiểm soát các nguồn lực nhằm đảm bảo rằng xã hội vận hành theo cách phục vụ lợi ích riêng của mình. Về bản chất, xã hội có xu hướng xung đột. Xung đột có thể làm xã hội thay đổi và những thay đổi này có thể dẫn đến phân phối của cải và quyền lực công bằng hơn (Farley, 2000:74).

Karl Marx được coi là “cha đẻ” của lý thuyết xung đột xã hội. Các công trình của Marx về xung đột giai cấp, lợi ích của giai cấp, quyền sở hữu, quyền kiểm soát các phương tiện sản xuất và sự bóc lột của giai cấp này đối

với giai cấp khác là tiền thân cho sự phát triển của lý thuyết xung đột xã hội. Theo Marx, trong tất cả các xã hội phân tầng có hai nhóm xã hội chính: một giai cấp thống trị và một giai cấp bị thống trị. Giai cấp thống trị có quyền lực từ việc sở hữu và kiểm soát các phương tiện sản xuất. Giai cấp thống trị bóc lột và đàn áp giai cấp kia. Kết quả là có sự xung đột về lợi ích giữa hai giai cấp (dẫn theo George Ritzer, 2005).

Trong hôn nhân gia đình, lý thuyết xung đột xã hội coi gia đình là một xã hội thu nhỏ. Mỗi thành viên trong gia đình theo đuổi những nhu cầu, giá trị và mục tiêu khác nhau. Mâu thuẫn, xung đột giữa các thành viên trong gia đình là không thể tránh khỏi. Theo lý thuyết này, ly hôn là kết quả cuối cùng của một quan hệ hôn nhân mà ở đó xung đột đã phát triển đến đỉnh điểm làm cho cuộc hôn nhân tan vỡ và trở nên không thể hàn gắn được. Các nhà nữ quyền Mác-xít nhìn nhận ly hôn từ góc độ xung đột quyền lực gia đình. Trong quan hệ quyền lực, người chồng thường ở vị trí thống trị hay còn gọi là nam trị và áp bức người vợ (Young, 1992). Người vợ nhận ra rằng bối cảnh xã hội đã thay đổi, địa vị thấp kém của mình có thể thay đổi, nhưng người chồng lại không từ bỏ đặc quyền của mình, xung đột diễn ra và không thể hòa giải được dẫn đến ly hôn. Lý thuyết xung đột xã hội giúp nhìn nhận những nguyên nhân tại sao cuộc hôn nhân lại thất bại và dẫn đến ly hôn.

Dựa trên lý thuyết xung đột xã hội, một nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam cho rằng nguyên nhân tan vỡ gia đình là xung đột về giá trị giữa truyền thống và hiện đại, sự kém thích ứng trong việc làm quen, chấp nhận những giá trị mới của gia đình (Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự, 2002: 36-37).

Những hạn chế của cách tiếp cận xung đột là ở chỗ lý thuyết này cho rằng xung đột xảy ra khi có sự khác biệt về lợi ích nhưng trong gia đình, trên thực tế vẫn tồn tại sự khác biệt và sự khác biệt này có thể được chấp nhận mà không nhất thiết dẫn đến xung đột. Bên cạnh đó, trong gia đình còn tồn tại sự hy sinh và sự hợp tác (Mai Huy Bích, 2011: 144).

### ***Lý thuyết sai lệch xã hội***

Ngay từ những ngày đầu hình thành, xã hội học đã tiến hành nghiên cứu nguyên nhân của những hành vi sai lệch cũng như lý do tại sao một số người có hành vi phù hợp với quy tắc và mong đợi của xã hội trong khi

một số người lại không. Một số lý thuyết đã được phát triển để tìm hiểu làm thế nào và tại sao sự sai lệch lại xảy ra trong xã hội và những yếu tố nào có tác động đến sự sai lệch. Sau đây là một số lý thuyết về sự sai lệch xã hội được sử dụng trong nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam.

*Thuyết anomie* cho rằng sự lệch lạc là do sự phá vỡ các chuẩn mực và giá trị xã hội. Con người cảm thấy hoang mang và mất phương hướng trong tình trạng này. Emile Durkheim được cho là khởi nguồn của lý thuyết anomie. Durkheim (1956) đã sử dụng từ “anomia”, một từ tiếng Pháp, có nghĩa là “không có chuẩn mực” để mô tả tình trạng rối loạn mà các xã hội đã trải qua trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp, mang tính làng xã thành nền kinh tế dựa trên công nghiệp.

*Thuyết dán nhãn* cho rằng hành vi được cho là sai lệch lại phụ thuộc vào việc ai là người xác định nó là lệch lạc. Những người trong xã hội được xác định hành vi nào đó là sai lệch thường là những người có quyền lực. Một số nhà nghiên cứu tin rằng những người có địa vị thấp hơn trong xã hội có nhiều khả năng bị dán nhãn sai lệch.

*Thuyết nhóm khác biệt* cho rằng con người học hỏi các hành vi lệch lạc từ những người khác và liên kết với họ hành động theo cách lệch lạc.

Việc áp dụng lý thuyết sai lệch xã hội đã giúp giải thích hiện tượng ly hôn ở Việt Nam. Theo cách tiếp cận lý thuyết này, ly hôn được xem như một sai lệch về nhận thức, dẫn đến sai lệch về vai trò, trách nhiệm, quyền lợi của cá nhân khi kết hôn (Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự, 2002: 41).

### ***Lý thuyết hiện đại hóa***

Lý thuyết hiện đại hóa mô tả và giải thích quá trình chuyển đổi từ xã hội truyền thống hoặc kém phát triển trở thành xã hội hiện đại. Từ những năm 1950, lý thuyết hiện đại hóa là một trong những quan điểm chủ chốt trong xã hội học khi xem xét sự phát triển cũng như sự kém phát triển của một quốc gia. Lý thuyết này tập trung chú ý vào cách thức mà các xã hội tiền hiện đại trong quá khứ và hiện tại phát triển trở thành hiện đại thông qua quá trình tăng trưởng kinh tế và chuyển đổi các cấu trúc về xã hội, chính trị và văn hóa (Armer và Katsillis, 2001).

Trần Thị Minh Thi (2013) đã áp dụng lý thuyết hiện đại hóa trong

nghiên cứu của mình về ly hôn ở Việt Nam. Tác giả cho thấy xã hội Việt Nam đang trong quá trình chuyển đổi từ xã hội truyền thống sang hiện đại. Quá trình này dẫn đến sự biến đổi các giá trị trong hôn nhân gia đình theo hướng hiện đại hơn. Sự tự do lựa chọn bạn đời, sự riêng tư, quyền của phụ nữ và tính cá nhân ngày càng được chấp nhận nhiều hơn. Dự luận xã hội cũng nhìn nhận việc ly hôn một cách cởi mở hơn. Phụ nữ được trao quyền và trở nên độc lập hơn về kinh tế. Hơn nữa, trong xã hội hiện đại, sự lệ thuộc vào cộng đồng giảm và sự tự do cá nhân được tôn trọng. Tất cả điều này làm cho ly hôn trở nên dễ dàng hơn đối với người Việt Nam. Kết quả, ly hôn có xu hướng gia tăng trong quá trình hiện đại hóa đang diễn ra ở Việt Nam.

*Như vậy*, đã có 4 lý thuyết được áp dụng trong nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam. Đó là, lý thuyết trao đổi xã hội, lý thuyết xung đột xã hội, lý thuyết về sự sai lệch xã hội và lý thuyết hiện đại hóa. Phần tiếp theo sẽ xem xét các phương pháp đã được sử dụng trong nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

#### *Phương pháp phân tích tài liệu sẵn có*

Đa số các bài viết (20/30 bài) về ly hôn được công bố chỉ sử dụng duy nhất một phương pháp, đó là *phương pháp phân tích tài liệu sẵn có*. Các tài liệu được thu thập và phân tích nhiều nhất trong các bài viết là số liệu, báo cáo và hồ sơ của tòa án nhân dân các cấp, nhất là Tòa án nhân dân tối cao về số vụ ly hôn, nguyên nhân ly hôn, người đứng đơn ly hôn, những đặc điểm nhân khẩu - kinh tế - xã hội của người ly hôn, v.v. nhằm phân tích họa bức tranh ly hôn cũng như xu hướng ly hôn ở Việt Nam nói chung và ở một số thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh nói riêng (Trần Thị Minh Thi, 2013; Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự, 2002; Lê Thi, 1997; Thái Thị Ngọc Dur, 1995). Những phân tích cũng cho thấy nguyên nhân và hậu quả ly hôn đối với phụ nữ và trẻ em (Trần Văn Thạch, 2012; Nguyễn Văn Tuấn, 2006; Hoàng Bá Thịnh, 2009; Ngân Phố, 2003; Nguyễn Thị Khoa, 2001).

Một số tác giả đã phân tích văn bản quy phạm pháp luật như những quy

định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam về chế độ tài sản của vợ chồng, việc chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn và việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn (Phạm Thanh Vân, 2004) hay phân tích những căn cứ ly hôn trong cổ luật Việt Nam như nền lập pháp và căn cứ ly hôn dưới ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo (Nguyễn Thị Thu Vân, 2005).

Đặc biệt, hai tác giả Trần Thị Minh Thi (2013) và Hoàng Bá Thịnh (2009), song song với việc phân tích số liệu ly hôn của Tòa án nhân dân tối cao, đã xử lý và phân tích số liệu của các cuộc điều tra lớn có tính định kỳ, có quy mô quốc gia như số liệu của Niên giám thống kê hàng năm; Điều tra Biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình hàng năm; Điều tra Mức sống dân cư Việt Nam 1997-1998 và Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999. Kết quả phân tích số liệu cho thấy tỷ lệ ly hôn ở Việt Nam và sự khác nhau về tỷ lệ ly hôn giữa thành thị và nông thôn, giữa phụ nữ và nam giới, giữa nữ chủ hộ và nam chủ hộ giới, giữa các nhóm tuổi và giữa nhóm giàu và nhóm nghèo.

*Nhìn chung*, phân tích tài liệu có sẵn là phương pháp được sử dụng nhiều nhất và hầu như là duy nhất trong đa số các bài viết về ly hôn ở Việt Nam. Một số nghiên cứu về ly hôn ở Việt Nam đã kết hợp phương pháp phân tích tài liệu sẵn có với phương pháp định tính và định lượng sẽ được đề cập phần tiếp theo.

#### ***Phương pháp phân tích định tính và định lượng***

Cho tới nay chỉ có 5/32 công trình, bài viết được công bố liên quan ly hôn ở Việt Nam có áp dụng phương pháp định tính và định lượng. Nghiên cứu ly hôn ở Hà Nội đã sử dụng phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm nhằm “*hiểu biết sâu hơn những các nguyên nhân sâu xa của sự tan vỡ gia đình dưới tác động của các điều kiện kinh tế xã hội, các chuẩn mực cũng như suy nghĩ của người dân xung quanh vấn đề ly hôn.*” (Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự, 2002: 21-22).

Trần Thị Minh Thi (2011) đã sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp nhằm tìm hiểu những nguyên nhân ly hôn; vai trò của các tổ chức xã hội, đoàn thể, chính quyền và tòa án trong quá trình ly hôn; và ảnh hưởng của các yếu tố truyền thống trong quyết định ly hôn.



Điều tra Gia đình Việt Nam do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới tiến hành năm 2006 đã kết hợp cả hai phương pháp định lượng và định tính trong việc tìm hiểu vấn đề ly hôn hiện nay ở Việt Nam. Với số lượng mẫu điều tra lớn (9.300 hộ gia đình) và có tính đại diện cho các vùng miền, kết quả điều tra định lượng cho thấy tỷ lệ ly hôn/ly thân, độ tuổi ly hôn/ly thân, người đứng đơn ly hôn, số năm chung sống trước khi ly hôn và nguyên nhân ly hôn trên phạm vi cả nước. Bên cạnh đó, kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm của Điều tra đã cung cấp những thông tin chi tiết hơn về ly hôn cũng như bối cảnh mà các số liệu ly hôn có được thông qua phương pháp thu thập thông tin định lượng. Sự kết hợp phương pháp định lượng và định tính giúp có được một bức tranh hoàn chỉnh hơn về những gì đã xảy ra khi ly hôn và lý do tại sao lại ly hôn và cho phép khám phá sâu hơn “câu chuyện thực sự” về ly hôn.

#### **4. Những khoảng trống trong nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam và hướng nghiên cứu tiếp theo**

*Thiếu vắng lý thuyết trong nghiên cứu ly hôn:* Lý thuyết đóng một vai trò quan trọng trong nghiên cứu, nhất là nghiên cứu thực nghiệm. “Lý thuyết giúp ta chọn hay xác định vấn đề nghiên cứu, hiểu sâu sắc, nhiều mặt và giải thích các sự kiện thực tế. Các sự kiện mới có thể thay đổi lý thuyết, và lý thuyết (đã thay đổi) lý giải các sự kiện mới” (Mai Huy Bích, 2001: 84). Tuy nhiên, trong nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam có rất ít bài viết và công trình đề cập đến khái niệm hay cách tiếp cận lý thuyết như đã nêu ở trên và hầu như chưa có nghiên cứu nào đề xuất cách tiếp cận lý thuyết mới về ly hôn trong bối cảnh Việt Nam.

Trong khi chưa xây dựng được các lý thuyết của riêng mình, các nhà nghiên cứu Việt Nam có thể áp dụng các lý thuyết của nước ngoài trong nghiên cứu về ly hôn ở Việt Nam. Bên cạnh những lý thuyết đã được áp dụng như đã trình bày ở phần trên, một số lý thuyết có thể được sử dụng để xem xét vấn đề ly hôn như lý thuyết nữ quyền, lý thuyết hệ thống gia đình, lý thuyết sinh học xã hội, lý thuyết căng thẳng gia đình, v.v..

*Chưa gắn lý thuyết với thực nghiệm:* Một vài nghiên cứu có đề cập đến các lý thuyết được áp dụng khi xem xét vấn đề ly hôn ở Việt Nam.

Tuy nhiên, các lý thuyết này thường được trình bày tách biệt với kết quả nghiên cứu thực nghiệm, không có sự liên hệ giữa lý thuyết và thực nghiệm. Trên thực tế “*chương về các lý thuyết được giới thiệu để trang trí hơn là vận dụng vào để kiểm nghiệm đúng sai, hay chỉnh sửa phát triển, hoặc cao hơn là thay thế nó bằng lý thuyết mới.*” (Mai Huy Bích, 2005: 97). Trong tương lai, việc vận dụng lý thuyết trong nghiên cứu ly hôn cần gắn với thực nghiệm.

**Không nêu phương pháp nghiên cứu:** Nhiều tác giả, trong bài viết của mình về ly hôn không nêu phương pháp đã sử dụng. Đặc biệt, công trình nghiên cứu về ly hôn được xuất bản dưới dạng sách do Văn Thị Kim Cúc chủ biên (2003) đã không có một trang nào trình bày về phương pháp nghiên cứu, cơ cấu mẫu, độ bao phủ của mẫu trong 340 trang sách cùng với bảng biểu, số liệu, tỷ lệ phần trăm. Điều này làm cho kết quả không đáng tin cậy và không thể kiểm nghiệm tác giả đã dùng phương pháp nào để có được kết quả nghiên cứu. Nêu rõ phương pháp nghiên cứu là một yêu cầu không thể thiếu trong ấn phẩm khoa học. Nó giúp cho độc giả biết được nghiên cứu đã áp dụng phương pháp gì hay làm thế nào để có được kết quả nghiên cứu.

**Thiếu tính khách quan trong nghiên cứu:** Trước xu hướng ly hôn ngày càng gia tăng ở Việt Nam, có tác giả đã nhận xét “ly hôn bừa bãi” nhưng thiếu các bằng chứng thực nghiệm, thiếu những tìm hiểu khách quan về những trải nghiệm của những người trong cuộc (Mai Huy Bích, 1999). Những nhận xét về đối tượng nghiên cứu mang đậm tính đạo đức như vậy đã làm cho nghiên cứu mất đi tính khách quan.

**Chưa có cái nhìn toàn diện về tác động của ly hôn:** Hầu hết các nghiên cứu ở Việt Nam liên quan đến ly hôn và tác động của nó đối với vợ chồng và con cái thường tập trung vào mặt tiêu cực của ly hôn: coi ly hôn là xấu và ảnh hưởng tiêu cực của nó đối với gia đình. Quan điểm này được phản ánh trong các câu hỏi và kết quả điều tra cho thấy những hậu quả tiêu cực và những diễn giải về hậu quả này. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu nước ngoài cho thấy những tác động tích cực của ly hôn, đặc biệt đối với phụ nữ, ly hôn có thể là một trải nghiệm tích cực (Amato, 2000). So với việc sống trong một cuộc hôn nhân đầy xung đột, kết thúc cuộc hôn

nhân có thể làm giảm căng thẳng cho tất cả các thành viên trong gia đình. Hơn nữa, ly hôn có thể làm tăng sự tự tin, tự lực, hạnh phúc, đặc biệt đối với phụ nữ. Vì vậy, nghiên cứu trong tương lai nên khám phá một cách toàn diện (cả mặt tiêu cực và tích cực) ảnh hưởng của ly hôn đối với người lớn và trẻ em.

**Chưa có nghiên cứu lịch đại về ly hôn:** Ly hôn không phải là một sự kiện đơn lẻ mà là một quá trình. Quá trình này diễn ra trong một thời gian dài: trước, trong và sau khi ly hôn. Paul R. Amato và Alan Booth (1996) đã chỉ ra những vấn đề trong quan hệ cha-con nảy sinh rất sớm, từ tám đến mười hai năm trước khi cha mẹ ly hôn. Nghiên cứu lịch đại là cách tốt nhất để tìm hiểu quá trình ly hôn cũng như ảnh hưởng của ly hôn. Cho tới nay, nghiên cứu ly hôn ở Việt Nam chỉ là những nghiên cứu cắt ngang mà ở đó dữ liệu được thu thập chỉ một lần, vào một thời điểm nhất định. Cho nên, kết quả nghiên cứu còn hạn chế, chưa phản ánh quá trình ly hôn. Trong tương lai, nên tiến hành nghiên cứu lịch đại về ly hôn. Bằng cách thu thập dữ liệu vào thời điểm khác nhau, có thể dễ dàng nhận thấy thay đổi của những tác động tiêu cực hay tích cực đối với vợ chồng và con cái theo thời gian; từ đó, có cái nhìn chính xác hơn về ly hôn. ■

### Chú thích

<sup>(1)</sup> Tỷ lệ ly hôn thô (CDR) là số vụ ly hôn trên 1000 dân trong một khoảng thời gian nhất định.

### Tài liệu trích dẫn

- Amato, P. R. 2000. "The Consequences of Divorce for Adults and Children." *Journal of Marriage and the Family*. No. 62:1269–1287.
- Amato, P. R. 2010. "Research on Divorce: Continuing Trends and New Developments." *Journal of Marriage and Family*. June 2010. Vol. 72. No.3.
- Amato, P. R. và Booth, A. (1996). "A Prospective Study of Divorce and Parent-child Relationships." *Journal of Marriage and the Family*. No. 58: 356–365.
- Armer, J. Michael và Katsillis, John. 2001. "Modernization Theory" in *Encyclopedia of Sociology*. Ed. Edgar F. Borgatta and Rhonda J.V. Montgomery. 2nd ed. Vol. 3. New York: Macmillan Reference USA.

- Becker, H. S. 1963. *Outsiders: Studies in the Sociology of Deviance*. New York: The Free Press.
- Blau, P. 1964. *Exchange and Power in Social Life*. New York: Wiley.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới. 2008. *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*. Hà Nội.
- Durkheim, Emile. 1956. *The Division of Labor in Society*. New York: Free Press.
- Farley, John E. 2000. *Majority - Minority Relations*. (4th Ed.). Englewood Cliffs, N.J.: Prentice Hall.
- Hoàng Bá Thịnh. 2009. “Li hôn: Quan điểm và vấn đề nghiên cứu”. Tạp chí *Tâm lý học*, số 1.
- Lê Thi. 1997. “Vấn đề ly hôn, nguyên nhân và xu hướng vận động”. Tạp chí *Xã hội học*, Số 1.
- Mai Huy Bích. 1999. “Nâng cao tính khoa học của nghiên cứu gia đình”. Tạp chí *Khoa học về phụ nữ*, số 3.
- Mai Huy Bích. 2001. “Xu hướng nghiên cứu và những khó khăn trong việc kết hợp nghiên cứu với giảng dạy xã hội học”. Tạp chí *Xã hội học*, số 4.
- Mai Huy Bích. 2005. “Gắn lý thuyết với thực nghiệm: trường hợp nghiên cứu về ly hôn”. Tạp chí *Xã hội học*, số 2.
- Mai Huy Bích. 2011. *Xã hội học gia đình*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Ngân Phố. 2003. “Những tổn thương tâm lý của thiếu niên do bố mẹ ly hôn-Một nghiên cứu mới của Viện Tâm lý học”. Tạp chí *Tâm lý học*, số 7.
- Nguyễn Thanh Tâm và cộng sự. 2002. *Ly hôn: nghiên cứu trường hợp Hà Nội*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Nguyễn Thị Khoa. 2001. Một số vấn đề về li hôn ở Việt Nam. Tạp chí *Tâm lý học*, số 4.
- Nguyễn Thị Thu Vân. 2005. “Cơ sở ly hôn trong cổ luật Việt Nam”. Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 8.
- Nguyễn Văn Tuấn. 2006. “Thực trạng gia đình ly hôn và vấn đề chăm sóc giáo dục con cái”. Tạp chí *Gia đình và Trẻ em*, kỳ 1 tháng 5.
- Phạm Thanh Vân. 2004. “Giải quyết tranh chấp về chia tài sản của vợ chồng khi ly hôn”. Tạp chí *Khoa học về phụ nữ*, số 5.
- Ritzer, George. 2005. *Encyclopedia of Social Theory*. Sage Publications.
- Thái Thị Ngọc Dư. 1995. “Tình hình và ảnh hưởng của ly hôn đối với phụ nữ và

gia đình tại thành phố Hồ Chí Minh”. Trong *Gia đình và địa vị người phụ nữ trong xã hội: Cách nhìn từ Việt nam và Hoa Kỳ*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Trần Thị Minh Thi (Tran Thi Minh Thi). 2013. “Prevalence and Patterns of Divorce in Contemporary Vietnam: Tradition, Modernity and Individualism” in *Proceedings of the 5th Next-Generation global workshop “Social Innovation and Sustainability for the Future: Recreating the Intimate and Public Spheres”* in Kyoto University, from 6-7 November 2012, Ed. Asato Wako and Sakai Yoko. Kyoto.

Trần Thị Minh Thi. 2011. “Ly hôn ở nông thôn đồng bằng sông Hồng: quyết định của cá nhân và tác động của các yếu tố truyền thống”. Trong *Gia đình nông thôn Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Trần Văn Thạch. 2012. “Ly hôn ở Đà Nẵng: Nguyên nhân và những vấn đề đặt ra đối với hệ thống thiết chế xã hội”. Tạp chí *Nghiên cứu Gia đình và Giới*, số 3.

Văn Thị Kim Cúc. 2003. *Những tổn thương tâm lý của thiếu niên do bố mẹ ly hôn*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Young I. M., 1992. “Five Faces of Oppression” in *Rethinking Power*, ed. Thomas Wartenberg. Albany, NY : SUNY Press.